TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/DS-ST
Ngày: 16-10-2018
V/v tranh chấp" hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tiến Cường;

2. Ông Phạm Bá Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T; Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn H là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 1375/UQTA-VH.18 ngày 20/6/2018). Địa chỉ: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1967; Trú tại: phường A, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/12/2015 bà Trần Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 20151211-50000-1705 với Công ty T vay số tiền 62.245.000 đồng với lãi suất 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng cộng 101.359.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng. Trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.816.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.799.000 đồng. Thanh toán bắt đầu từ ngày 14/01/2016. Thực hiện hợp đồng, bà L đã nhận đủ số tiền

vay và đã thanh toán cho Công ty tính đến nay tổng cộng số tiền 22.540.000 đồng. Tại đơn khởi kiện Công ty khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 78.819.000đ, bao gồm nợ gốc 53.374.303đ và tiền lãi 25.444.697đ. Do hợp đồng chưa hết thời hạn nên nay Công ty chỉ yêu cầu bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền tính đến ngày 16/10/2018 tổng cộng 78.582.269đ, bao gồm nợ gốc 53.374.303đ và tiền lãi 25.207.966đ.

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Ngày 10/12/2015 tôi có ký hợp đồng tín dụng số 20151211-50000-1705 với Công ty T vay số tiền 62.245.000 đồng với lãi suất 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tôi có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng cộng 101.359.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng. Trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.816.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.799.000 đồng. Thanh toán bắt đầu từ ngày 14/01/2016. Thực hiện hợp đồng, tôi đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Công ty tính đến nay tổng cộng số tiền 22.540.000 đồng. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu tôi phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 78.819.000đ, bao gồm nợ gốc 53.374.303đ và tiền lãi 25.444.697đ. Tôi đồng ý sẽ thanh toán số nợ như yêu cầu khởi kiện của Công ty nhưng do hiện nay làm ăn ế ẩm, không có khả năng thanh toán được nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi thanh toán xong.

Do bận công việc làm ăn nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20151211-50000-1705 ngày 10/12/2015 được ký kết giữa Công ty T và bà Trần Thị L thì bà L vay số tiền 62.245.000 đồng với lãi suất 2.92%/tháng, thời gian vay 36 tháng để tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã không thanh toán nợ vay đúng theo thỏa thuận. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty T có quyền khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà L và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa bà L vắng mặt nhưng bà L đã làm văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn bà Trần Thị L thanh toán số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 20151211-50000-1705 ngày 10/12/2015 tổng cộng tính đến ngày 16/10/2018 là 78.582.269đ, bao gồm nợ gốc 53.374.303đ và tiền lãi 25.207.966đ.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, bà L vay số tiền 62.245.000 đồng, lãi suất 2,92%/tháng, thời gian vay 36 tháng để tiêu dùng cá nhân. Bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng cộng 101.359.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền là 2.816.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.799.000 đồng, thanh toán bắt đầu từ ngày 14/01/2016. Bà L đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán 08 lần với số tiền 22.540.000 đồng. Kể từ ngày 29/12/2016 đến nay bà L không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào. Như vậy, bà L đã vi phạm nội dung thanh toán tiền vay theo thỏa thuận tại điểm 1 phần C của Hợp đồng tín dụng số 20151211-50000-1705 ngày 10/12/2015. Số tiền bà L còn nợ tính đến ngày 16/10/2018 là 78.582.269đ, bao gồm nợ gốc 53.374.303đ và tiền lãi 25.207.966đ

Tại phiên hòa giải, bà L thừa nhận đã ký hợp đồng tín dụng trên và theo hợp đồng thì bà có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng cộng 101.359.000 đồng (gồm cả gốc và lãi). Bà L đồng ý sẽ thanh toán số nợ như yêu cầu khởi kiện của Công ty nhưng do hiện nay làm ăn ế ẩm, không có khả năng thanh toán được nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi thanh toán xong.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 20151211-50000-1705 ngày 10/12/2015 giữa Công ty T với bà L đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán toàn bộ số nợ còn lại tính đến ngày 16/10/2018 tổng cộng là 78.582.269đ, bao gồm nợ gốc 53.374.303đ và tiền lãi 25.207.966đ là có căn cứ nên chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản tranh chấp tương ứng với số tiền 3.929.113 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn bà Trần Thị L về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*.

Buộc bà Trần Thị L thanh toán toàn bộ số nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 20151211-50000-1705 ngày 10/12/2015 cho Công ty T tổng cộng số tiền tính đến

ngày 16/10/2018 là 78.582.269đ *(Bảy mươi tám triệu năm trăm tám mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng),* bao gồm nợ gốc 53.374.303đ và tiền lãi 25.207.966đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà L không thanh toán số tiền nói trên thì bà Lài phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu là 3.929.113 đồng *(Ba triệu chín trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười ba đồng)*. Công ty T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.970.475 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000763 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Công ty T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16 tháng 10 năm 2018), bà Trần Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ -

Đinh Tấn Long